

Bản án số: **94/2021/DS-PT**

Ngày: 25/10/2021

*V/v: Yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa
kế quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử
dụng đất, quyền sở hữu nhà; khôi phục lại
nhà ở đã bị thi hành án*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Tú Anh- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 389/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; khôi phục lại nhà ở đã bị thi hành án”, do có kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST, ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Số 150 phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: Số 10, ngách 5, ngõ 191A, phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1962, HKTT và nơi ở: Số 80 phố L, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Chị Lê Kim D, sinh năm 1968;

HKTT: Số 150 phố Đại L, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Ngách 5, ngõ 191A, phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1962; HKTT và nơi ở: Số 80 phố L, phường B,

quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1971; HKTT: Số 150 phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Ngách 5, ngõ 191A, Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Anh Lê Văn T, sinh năm 1971; trú tại: Số 22A, ngõ 637 đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Chị Lê Thị H2, sinh năm 1971, hiện đang ở Trung Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị P và người đại diện theo ủy quyền của bà P trình bày:

Năm 1965, bà P được Công ty chất đốt Hà Nội (nay là Công ty cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội) cấp cho 1 diện tích nhà cấp 4 tại 150 ngõ 51, phố Đ, quận H, Hà Nội (nay là số 10 ngách 5 ngõ 191A phố Đ). Năm 1975 gia đình bà có sử dụng thêm 1 phần đất sát rìa ao, cạnh buồng tắm của tập thể Công ty có diện tích 26,4m² để làm bếp và chăn nuôi lợn (diện tích đó hiện nay chưa có sổ nhà nằm giữa số 16 và số 18 ngách 5 ngõ 191A phố Đ). Từ đó đến nay, diện tích hiện không có tranh chấp, kiện tụng gì với ai khác ở bên ngoài. Năm 2000, bà viết giấy cho con trai trưởng là Lê Mạnh H được toàn quyền sở hữu phần bếp này, anh H đã kê khai làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2001, chị Lê Kim D là con gái của bà ở Thường T về có xin bà và anh H được ở nhờ nhà bà và nuôi lợn trên phần đất bà đã cho anh H. Cuối năm 2005, chị D xây nhà, bà không có ý kiến gì vì nghĩ anh H, chị D đã thống nhất với nhau. Lợi dụng sự tin tưởng của bà và anh H, chị D đã xây dựng nhà 3 tầng trên diện tích đất trên. Khi xây nhà xong, anh H mang tài sản về ở thì xảy ra tranh chấp giữa hai anh em, chính quyền địa phương đã phải can thiệp hòa giải nhiều lần. Chị D không trả diện tích đất đó cho anh H mà sử dụng nhà và đất từ thời gian đó đến nay. Chị D thường có thái độ không đúng mực, hỗn láo với bà và anh H.

Nay, bà xác định diện tích đất trên là của bà, trước đây bà có nói cho anh H, nhưng anh H không biết cách quản lý, sử dụng để chị D chiếm toàn bộ diện tích đất. Do anh H và chị D có mâu thuẫn tranh nhau về diện tích đất đó nên bà không cho ai nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D phải trả lại toàn bộ diện tích đất trên cho bà. Bà sẽ thanh toán trả chị D chi phí chị D đã bỏ ra xây dựng nhà hoặc chị D có quyền đập nhà đã xây để chuyển đi nơi khác.

- Bị đơn chị Lê Kim D trình bày:

Diện tích đất chị đang sử dụng tại ngách 5 ngõ 191A Đ (chưa có sổ nhà nằm giữa 16 và 18) là đất do mẹ chị là bà Lê Thị P lần chiếm từ những năm 1975-1976. Khi chị còn chưa lấy chồng, mẹ chị đã nói miệng là cho hai con gái là chị và chị Lê Kim H3 (em gái chị) diện tích đất trên. Năm 1999, chị lấy chồng và về ở nhà chồng tại Thường T. Năm 2001, vợ chồng chị về ở cùng mẹ chị tại số 10 ngách 5 ngõ 191A phố Đ, quận H, thành phố Hà Nội và nuôi lợn trên phần đất mà mẹ chị đã lần chiếm. Năm 2002, mẹ chị bán bớt khoảng 2m² để thêm tiền sửa nhà mẹ chị đang ở. Tháng 12 năm 2004, mẹ chị đồng ý để chị đứng tên kê khai đăng ký sử dụng đất ở.

Năm 2005, mẹ chị giục chị xây nhà vì ở chung chật chội, nên cuối năm vợ chồng chị đã bỏ ra 220.000.000 đồng để xây thành 01 ngôi nhà 3 tầng như hiện nay. Tháng 3 năm 2006, mẹ chị viết giấy viết tay cho chị đất nhưng hiện nay chị đã làm mất bản gốc, chỉ có có bản photocopy. Tháng 12 năm 2007, chị nhờ anh trai là Lê Mạnh H đứng tên kê khai xin cấp sổ đỏ vì thời gian này chị đang làm ăn ở Sơn La chưa về kịp. Năm 2008, xảy ra tranh chấp về diện tích đất này giữa chị và anh H. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P và yêu cầu của anh Lê Mạnh H về việc đòi quyền sử dụng đất. Chi phí xây dựng nhà là do vợ chồng chị bỏ ra, anh H và bà P đều không đóng góp gì. Chị yêu cầu anh H phải trả lại nhà cho chị.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, anh Lê Mạnh H trình bày:

Về nguồn gốc đất tại diện tích đất có tranh chấp giữa bà Lê Thị P và chị Lê Kim D nằm giữa số 16 và số 18 ngách 5 ngõ 191A phố Đ, anh thống nhất với ý kiến trình bày của mẹ anh là bà Lê Thị P. Tháng 9 năm 2000, bà P đã viết giấy cho anh toàn bộ diện tích đất lấn chiếm được nằm trong ngách 5 ngõ 191A phố Đ. Thời gian này chị D đang ở nhà chồng tại Thường T. Năm 2001 để tạo điều kiện cho chị D có thu nhập, anh đã cho chị D nuôi lợn nhờ trên 1/4 diện tích đất anh được mẹ cho. Diện tích còn lại gia đình anh vẫn sử dụng làm bếp và chăn nuôi.

Cuối năm 2005, chị D tự ý phá chuồng lợn đi, xây dựng nhà trên toàn bộ diện tích đất đó mà không hỏi ý kiến anh. Thời điểm đó anh đang ở trong Miền Nam nên không biết, khi anh về thì chị D đã xây đến tầng 3. Ban đầu anh không đồng ý với việc xây dựng của chị D, nhưng chị D vẫn xin và nhiều người khác cũng xin cho chị D, vì tình thương nên anh không kiện chị D lúc bấy giờ và đồng ý cho chị D xây dựng tiếp nhưng anh đã viết 01 giấy cam kết với nội dung xác định diện tích đất trên vẫn là của anh và phân định việc sử dụng nhà như sau: Tầng 1 anh và chị D sử dụng chung; tầng 2 anh sử dụng; tầng 3 chị D sử dụng. Ngày 26 tháng 5 năm 2006, anh đã đưa cho chị D 70.000.000 đồng để góp tiền xây nhà. Khi đưa tiền, hai anh em có viết giấy biên nhận với nhau nhưng hiện nay anh đã làm thất lạc bản chính giấy biên nhận đó, chỉ có bản photocopy anh đã nộp cho Tòa án. Tháng 12 năm 2007, anh đã ra Ủy ban nhân dân phường Đồng T để kê khai xin cấp sổ đỏ và đã được tiếp nhận hồ sơ. Đến năm 2008, anh dọn về ở thì xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa anh với chị D. Về việc mẹ anh đòi lại đất chị D đang sử dụng, anh đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Anh nộp cho Tòa án 01 bản gốc giấy viết tay về việc bà P cho anh quyền sử dụng đất, 01 bản gốc giấy cam kết về việc sử dụng nhà và đất giữa anh và chị D, 01 đơn trình bày ghi ý kiến của chị Lê Thị H2.

Ngày 01/3/2014 anh H có đơn yêu cầu độc lập với nội dung: Mạnh đất có tranh chấp là của bà Lê Thị P đã cho anh, nay anh yêu cầu chị Lê Kim D và những người đang sử dụng nhà, đất trên phải trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất đó cho anh. Chị D xây dựng nhà hết bao nhiêu tiền anh sẽ thanh toán trả cho chị D. Khi chị D xây nhà anh có góp 70.000.000 đồng, nay anh yêu cầu chị D phải trả cho anh số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Anh đồng ý với những lời khai và yêu cầu của chị D, không chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà P và anh H. Chi phí xây dựng nhà là do vợ chồng anh bỏ ra, anh H không đóng góp gì. Anh yêu cầu anh H phải trả lại toàn bộ diện tích nhà đang sử dụng cho vợ chồng anh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn T trình bày: Diện tích nhà đất đang tranh chấp giữa anh Lê Mạnh H với chị Lê Kim D tại ngách 5 ngõ 191A Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội có nguồn gốc do ông T1, bà P sử dụng đất công (khai hoang) từ khoảng năm 1975. Lúc đầu bố mẹ anh dùng làm bếp và nuôi lợn, sau này chị D xây thành nhà như hiện nay. Nay có việc giải quyết lại vụ án và chia thừa kế, phần của anh nếu được hưởng anh xin nhận theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Lê Thị H2 trình bày: Mẹ chị là bà Lê Thị P có khai hoang một phần đất bếp từ năm 1975, thửa đất số 87 H5; nay phần đất này xảy ra tranh chấp giữa hai anh chị của chị. Nay chị ở bên Trung Quốc, không thể dự các phiên tòa, chị khước từ phần tài sản này, không liên quan.

Vụ án được giải quyết nhiều lần cụ thể như sau:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2010/DSST ngày 14/01/2010 của Tòa án nhân dân quận H, quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P; Tạm giao cho anh H sử dụng tầng 1; Tạm giao cho chị D, anh H1 sử dụng các tầng 2 và 3. Anh H phải dành lối đi cho những người ở trên tầng trên và phải thanh toán cho chị D giá trị xây dựng tầng 1 là: 1 56.845.000 đồng. Án phí: Bà P phải chịu 200.000 đồng, anh H phải chịu 2.842.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự quận H đã tổ chức thi hành xong toàn bộ Bản án trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 04/QĐ- GĐT ngày 10/01/2013 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, quyết định: Hủy bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân quận H; giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2014/DS-ST ngày 29/8/2014 của Tòa án nhân dân quận H, quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi đất của bà P. Chấp nhận yêu cầu độc lập đòi quyền sử dụng đất của anh H. Tạm giao cho anh H 27,5m² ở tầng 1; tạm giao cho chị D, anh H1 và hai cháu Phương A, Hồng A1 tạm sử dụng tầng 2,3 và tum. Anh H dành lối đi rộng 0,8m để chị D, anh H1 và những người khác sử dụng để đi lên tầng trên. Anh H trả cho chị D, anh H1 giá trị xây dựng tầng 1 là 70.288.200 đồng, trừ số tiền đã thi hành án 56.845.000 đồng; anh H còn phải trả 13.443.200 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của anh H đòi chị D 70.000.000 đồng đóng góp xây dựng nhà.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 106/2015/DS-PT ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, quyết định: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2014/DS-ST ngày 29/8/2014 nêu trên. Gửi lại hồ sơ vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án, các đương sự thay đổi, bổ xung các yêu cầu cụ thể như sau;

Nguyên đơn, bà Lê Thị P thay đổi yêu cầu khởi kiện thành chia tài sản chung,

chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Bị đơn, chị Lê Kim D có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; khôi phục lại nhà ở đã bị thi hành án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn H1 có yêu cầu độc lập công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; khôi phục lại nhà ở đã bị thi hành án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Lê Mạnh H có yêu cầu độc lập công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2020/DS-ST ngày 23/10/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, quyết định:

Căn cứ Điều 26, 34, 37, 147, Chương XIV, Điều 271, 273 của luật tố tụng dân sự; Điều 634, 635, 636, 637, 638, 677, 678, 679 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 74, 75, 79, 86, 95, 97, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Lê Thị P.

Không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của chị Lê Kim D, anh Nguyễn Văn H1, anh Lê Mạnh H.

Không chấp nhận yêu cầu khôi phục lại nhà ở đã bị thi hành án của chị Lê Kim D, anh Nguyễn Văn H1.

Không chấp nhận yêu cầu đòi số tiền đóng góp 70.000.000 đồng của anh Lê Mạnh Hùng với chị Lê Kim D.

Chấp nhận một phần yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà của chị Lê Kim D, anh Nguyễn Văn H1, anh Lê Mạnh H.

2. Xác định diện tích đất 30,1m² tại ngách 5 ngõ 191A Đ (chưa có số nhà) tại vị trí giữa số nhà 16 và 18 ngách 5 ngõ 191A Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 87 tờ bản đồ 5H-II-13 là tài sản chung của ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị P. Phần diện tích đất 1/2 của ông T1 15,05m² đất có giá trị bằng tiền là 430.430.000 đồng là di sản thừa kế.

Thời điểm mở thừa kế khi ông Lê Văn T1 chết ngày 23/10/1998, không để lại di chúc; thừa kế được chia theo pháp luật.

Trích công sức trông nom, duy trì, giữ đất cho bà P, anh H, chị D mỗi người được hưởng bằng 1/3 suất thừa kế.

Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Lê Văn T1 là: Bà Lê Thị P, Lê Mạnh H, chị Lê Kim D, anh Lê Văn T, anh Lê Văn T2 và chị Lê Thị H2. Cụ thể, mỗi suất thừa kế được hưởng bằng tiền là 61.490.000 đồng.

Suất thừa kế của anh Lê Văn T2 được thừa kế chuyển tiếp cho bà Lê Thị P thụ hưởng.

Suất thừa kế của chị Lê Thị H2 được giao cho bà Lê Thị P (là mẹ đẻ) quản lý thay cho chị H2.

Chia thừa kế bằng giá trị, cụ thể như sau:

+ Bà Lê Thị P được hưởng 430.430,000 đồng (chia từ tài sản chung), công sức của bà P bằng 1/3 suất thừa kế là 20.496.000 đồng, 1 suất thừa kế của bà P 61.490.000 đồng, 1 suất thừa kế được chuyển tiếp từ anh Lê Văn T2 61.490.000 đồng; tổng cộng là 573.906.000 đồng.

+ Anh Lê Mạnh H được hưởng công sức của bằng 1/3 suất thừa kế là 20.497.000 đồng và 1 suất thừa kế 61.490.000 đồng; tổng cộng 81.987.000 đồng.

+ Chị Lê Kim D được hưởng công sức của bằng 1/3 suất thừa kế là 20.497.000 đồng và 1 suất thừa kế 61.490.000 đồng; tổng cộng 81.987.000 đồng.

+ Anh Lê Văn T, chị Lê Thị H2 mỗi người được hưởng 1 suất thừa kế là 61.490.000 đồng.

3. Nhà đất tại ngách 5 ngõ 191A Đ (chưa có sổ nhà tại vị trí giữa số nhà 16 và 18 ngách 5 ngõ 191A Đ), phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 87 tờ bản đồ 5H-II-13, được chia cụ thể như sau:

+ Chị Lê Kim D, anh Nguyễn Văn H1 sở hữu toàn bộ nhà tầng 2, 3, tầng tum và lối đi qua tầng 1 có chiều rộng theo hiện trạng là 0,8m. Chị Lê Kim D được quyền sử dụng chung diện tích đất 30,1m². Chị D có trách nhiệm thanh toán: Trả anh Lê Văn T 61.490.000 đồng (sáu một triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng); trả chị Lê Thị H2 61.490.000 đồng (sáu một triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng) phần của chị H2 do bà P đại diện nhận và quản lý; trả bà Lê Thị P 53.291.000 đồng (năm ba triệu hai trăm chín một ngàn đồng).

+ Anh Lê Mạnh H sở hữu phần nhà còn lại tại tầng 1 sau khi dành lối đi rộng 0,80m kéo dài từ cửa ra vào (nhìn từ ngoài vào, nằm sát phía bên phải của cửa ra vào) đến chân cầu thang cho chị D, anh H1 và những người sử dụng ở các tầng trên. Anh Lê Mạnh H được quyền sử dụng chung diện tích đất 30, 1m².

Anh H phải thanh toán trả bà Lê Thị P 520.615.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu sáu trăm mười năm ngàn đồng).

+ Chị D, Anh H được quyền đăng ký quyền sử dụng đất được chia theo Bản án này tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần nghĩa vụ chậm trả, tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/10/2020, bị đơn chị Lê Kim D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo với nội dung diện tích 30,1m² đất là của vợ chồng anh chị;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Lê Kim D và anh Nguyễn Văn H1 giữ nguyên kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung đã trình bày tại Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, vì diện tích đất 30,1m² của bà P là đất lấn chiếm và được bà P cho từ năm 2000 (cho miệng không bằng văn bản), vợ chồng anh chị đã nộp thuế và xây nhà trên đất (xây

khoảng năm 2005).

- Anh Lê Mạnh H trình bày thống nhất với nội dung trình bày tại bản án sơ thẩm và sau khi xét xử sơ thẩm anh và bà P không kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng anh H1 và chị D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của chị Lê Kim D và anh Nguyễn Văn H1 được xem xét; người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vụ án được xét xử nhiều lần và lần xét xử này Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nguồn gốc đất, cũng như sử dụng đất và xây nhà trên đất và theo đề nghị của các bên đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Lê Thị P; không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị D và anh H1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác với phiên tòa sơ thẩm. Nên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của vợ chồng chị D; Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đơn kháng cáo, các tài liệu có trọng hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị Lê Kim D và anh Nguyễn Văn H1 trong thời hạn được xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết lại vụ án, các đương sự thay đổi các yêu cầu trước đây là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo giải quyết triệt để vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật, thời hiệu, những người tham gia tố tụng cũng như thẩm quyền giải quyết là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, những người này đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Do đó, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Sinh thời ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị P được Công ty Chất đốt Hà Nội (nay là Công ty cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội) cấp cho 1 diện tích nhà cấp 4 tại 150 ngõ 51, phố Đ, quận H, Hà Nội (nay là số 10 ngách 5 ngõ 191A phố Đ) vào năm 1965. Năm 1975, gia đình ông T1, bà P có sử dụng thêm 1 phần đất sát rìa ao, cạnh buồng tắm của tập thể của Công ty có diện tích 26,4m² để làm bếp và chăn nuôi lợn (diện tích đó hiện nay chưa có sổ nhà nằm giữa số 16 và số 18 ngách 5 ngõ 191A phố Đ). Từ đó đến nay, diện tích trên không có tranh chấp, kiện tụng gì với ai khác ở bên ngoài. Diện tích đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có tranh chấp trong nội bộ gia đình.

[2.2] Tài sản trên đất: Căn nhà 3 tầng 01 tum được xác định do vợ chồng chị D xây dựng khoảng 2005.

[2.3] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.3.1] Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế; ông Lê Văn T1 chết ngày 23/10/1998 không để lại di chúc.

Theo Công Văn số 01/GD-TANDTC ngày 05/01/2018, của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của ông Lê Văn T1 chết ngày 23/10/1998, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T1 là 30 năm kể từ ngày 10/9/1990. Hội đồng xét xử xác định: Tại thời điểm đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của ông Lê Văn T1 vẫn còn.

[2.3.2] Về hàng thừa kế:

Ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị P sinh được 6 người con: Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1962; anh Lê Ngọc M, sinh năm 1965 (chết năm 1967); chị Lê Kim D, sinh năm 1968; anh Lê Văn T, sinh năm 1971; chị Lê Thị H2 sinh năm 1974; anh Lê Văn T2, sinh năm 1982 (chết năm 2004, không có vợ con). Do đó, hàng thừa kế của ông T1, gồm: Bà Lê Thị P, anh Lê Mạnh H, chị Lê Kim D, anh Lê Văn T, chị Lê Thị H2 và anh Lê Văn T2.

Chị Lê Thị H2 hiện đang ở Trung Quốc nhưng không có địa chỉ cụ thể, không liên lạc được nên quyền lợi giao cho bà Lê Thị P (là mẹ đẻ) quản lý thay cho chị H2.

Anh Lê Văn T2 (chết năm 2004), không có vợ con nên bà P là người thừa kế duy nhất của anh T2.

[2.3.3] Về di sản thừa kế, hàng thừa kế, chia thừa kế: Diện tích 30,1m² đất tại ngách 5 ngõ 191A Đ (chưa có sổ nhà nằm giữa nhà số 16 và 18) là đất của ông T1 và bà P chiếm giữ, sử dụng từ năm 1975 đến nay chỉ có tranh chấp nội bộ gia đình. Không nằm trong quy hoạch, thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu không có tranh chấp trong nội bộ gia đình). Tại thời điểm vợ chồng ông T1, bà P chiếm giữ, sử dụng năm 1975 thì các con của ông bà còn nhỏ không có đóng góp gì đáng kể. Do đó xác định diện tích đất này là của ông T1, bà P. Theo kết quả định giá ngày 22/7/2020 thì đất có đơn giá là 28.600.000 đồng/m². Diện tích đất này là chung của vợ chồng ông T1, bà P; xác định tài sản của bà P được hưởng 1/2 diện tích đất, diện tích 1/2 còn lại là của ông T1 như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Di sản của ông T1 để chia có giá trị là 430.430.000 đồng (theo kết quả định giá).

Bà P, anh H, chị D có công quản lý đất, duy trì, tôn tạo nên mỗi người được 1/3 suất thừa kế như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp.

Do vậy, giá trị di sản của ông T1 là 430.430.000 đồng. Do ông T1 chết không để lại di chúc, nên di sản được chia theo luật và chia làm 7 kỷ phần thì mỗi kỷ phần là 61.490.000 đồng.

Bà P được hưởng 430.430.000 đồng (chia từ tài sản chung), công sức được 1/3 suất thừa kế làm tròn số là 20.496.000 đồng, hưởng 01 suất thừa kế là 61.490.000 đồng và 01 suất chuyển tiếp của anh T2 là 61.490.000 đồng, nên tổng cộng giá trị là

573.906.000 đồng.

Anh Lê Mạnh H và chị Lê Kim D mỗi người được hưởng 1/3 suất thừa kế làm tròn số là 20.496.000 đồng và 01 suất thừa kế là 61.490.000 đồng, tổng cộng mỗi người được hưởng là 81.986.000 đồng.

Anh Lê Văn T và chị Lê Thị H2 mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế là 61.490.000 đồng.

Về chia thừa kế bằng hiện vật (quyền sử dụng đất):

Chị D sử dụng diện tích nhà đất tại tầng 2 và 3, tum có hệ số sử dụng đất bằng 0,3; có giá trị bằng tiền là 258.258.000 đồng. So với phần chị D được hưởng công sức và thừa kế từ ông T1 là 81.986.000 đồng thì chị D phải thanh toán cho các thừa kế khác với tổng số tiền là 176.271.000 đồng. Cụ thể chị D thanh toán trả anh T 61.490.000 đồng; chị H2 61.490.000 đồng; bà P 53.291.000 đồng.

Anh H sử dụng diện tích nhà đất tầng 1 có hệ số sử dụng đất bằng 0,7 có giá trị bằng tiền là 602.602.000 đồng. Trừ phần được hưởng 81.987.000 đồng thì anh H phải thanh toán cho bà P là 520.615.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của chị Lê Kim D, anh Nguyễn Văn H1, anh Lê Mạnh H về công nhận quyền sử dụng đất:

Như xác định tài sản chung cũng như di sản để lại vợ chồng ông T1 thì xác định ông T1 chết không để lại di chúc, bà P không có quyền tự định đoạt toàn bộ diện tích đất cũng như việc cho đất chưa hoàn tất và hiện nay bà P không cho nữa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các yêu cầu này không được chấp nhận là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu độc lập của chị D và anh H1, anh H về công nhận quyền sở hữu nhà ở:

Các đương sự đều thừa nhận ngôi nhà 3 tầng 01 tum là do vợ chồng chị D, anh H1 bỏ tiền xây dựng toàn bộ. Do đó, xác định nhà này chưa thi bị hành án là của vợ chồng chị D, anh H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2010/DS-ST ngày 14/10/2010, Tòa án nhân dân quận H, Hà Nội, quyết định: Tạm giao cho anh H sử dụng tầng 1; tạm giao cho chị D và anh H1 sử dụng các tầng 2 và 3. Anh H phải dành lối đi cho những người ở trên tầng trên và phải thanh toán cho chị D giá trị xây dựng tầng 1 là: 56.845.000 đồng. Sau khi Bản án trên có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự quận H đã tổ chức thi hành xong toàn bộ Bản án trên. Anh H đã nộp số tiền 56.845.000 (năm mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng để trả cho vợ chồng chị D (Theo biên lai số 1271 ngày 21/5/2010 của Thi hành án dân sự quận H); chị D, anh H1 đã nhận số tiền này. Như vậy, anh H đã thanh toán giá trị xây dựng tầng 1 cho chị D, anh H1. Do đó, theo kết quả thi hành án năm 2010, nhà tầng 1 thuộc sở hữu của anh H.

Xét thấy, Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2010/DS-ST ngày 14/01/2010 của Tòa án nhân dân quận H đã thi hành án xong, các bên đương sự đã sử dụng ổn định từ năm 2010 đến nay và cần phải duy trì như hiện trạng sẽ đảm bảo quyền lợi của chị D, anh H1 và anh H. Theo đó, chị D anh H1 sở hữu toàn bộ nhà tầng 2, 3, tầng tum

và lối đi qua tầng 1 có chiều rộng theo hiện trạng là 0,8m. Anh H sở hữu phần còn lại của tầng 1 như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu của anh H trong việc đòi chị D số tiền 70.000.000 đồng đóng góp xây dựng nhà: Anh H yêu cầu chị D phải thanh toán cho anh số tiền 70.000.000 đồng anh đóng góp xây dựng nhà năm 2006 nhưng anh H không xuất trình được bản gốc giấy tờ xác nhận nội dung đóng góp, anh H cũng không có tài liệu nào khác để chứng minh; chị D không thừa nhận việc anh H đóng góp, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu đòi số tiền đóng góp 70.000.000 đồng của anh H.

[6] Xét yêu cầu độc lập của chị Lê Kim D và anh Nguyễn Văn H1 về khôi phục lại nhà ở đã bị thi hành án thấy rằng: Mặc dù ngôi nhà 3 tầng 1 tum do vợ chồng chị D, anh H xây dựng nhưng do có tranh chấp về quyền sử dụng đất nên đã giải quyết bằng Bản án và đã thi hành án xong từ năm 2010. Nay vụ án được xét xử lại thì quyền sử dụng đất không thuộc quyền sử dụng toàn bộ của chị D. Chị D, anh H1 yêu cầu anh H phải trả lại nhà nhưng anh H đã thanh toán giá trị xây dựng cho chị D, anh H1. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khôi phục lại nhà ở đã bị thi hành án của chị D, anh H1 như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là hợp tình, hợp lý.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị D và anh H1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác so với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh và chị. Hội đồng xét xử cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm và phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị D và anh H1 phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Kim D và anh Nguyễn Văn H1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2020/DS-ST ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Kim D và anh Nguyễn Văn H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2018/0020936 và AA/2018/0020937 cùng ngày 12/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

Đặng Văn Hưng